# DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 LẦN 1 - NĂM 2025

| TT | Đơn vị | Số Quyết định | Ngày ký | MSSV | Họ tên | Ngày sinh | Nữ | Tên ngành | Tên chuyên ngành |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2002171 | Nguyễn Thanh Trúc | 25/03/2002 | N | Khoa học môi trường | |
| 2 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2002174 | Lương Văn Thành Công | 20/07/2002 | | Khoa học môi trường | |
| 3 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2010018 | Hồng Minh Nhật | 11/01/2002 | | Khoa học môi trường | |
| 4 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2010037 | Phạm Minh Nhân | 28/11/2002 | | Khoa học môi trường | |
| 5 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2010039 | Nguyễn Quỳnh Thảo Như | 07/04/2002 | N | Khoa học môi trường | |
| 6 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2010040 | Trần Thiện Như | 16/11/2002 | N | Khoa học môi trường | |
| 7 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2010045 | Nguyễn Thị Huyền Trâm | 27/09/2002 | N | Khoa học môi trường | |
| 8 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106242 | Nguyễn Sang | 20/09/2003 | N | Khoa học môi trường | |
| 9 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B1802278 | Hồ Trịnh Phong Nhã | 01/09/1999 | | Quản lý đất đai | |
| 10 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B1802299 | Trương Gia Thiên | 29/07/2000 | | Quản lý đất đai | |
| 11 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2001706 | Khưu Quốc Anh | 10/10/2002 | | Quản lý đất đai | |
| 12 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2001723 | Nguyễn Quỳnh Gia Hân | 06/07/2002 | N | Quản lý đất đai | |
| 13 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2001752 | Nguyễn Chí Nguyện | 15/01/2002 | | Quản lý đất đai | |
| 14 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2001757 | Dương Hồng Phúc | 27/08/2002 | N | Quản lý đất đai | |
| 15 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2001762 | Chiêm Minh Tân | 15/06/2002 | | Quản lý đất đai | |
| 16 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2001808 | Trần Phát Đạt | 11/04/2002 | | Quản lý đất đai | |
| 17 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2001816 | Đào Quang Huy | 21/04/2002 | | Quản lý đất đai | |
| 18 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2009457 | Huỳnh Sơn Ngọc Bích | 02/01/2002 | N | Quản lý đất đai | |
| 19 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2009464 | Phan Thành Đạt | 20/09/2002 | | Quản lý đất đai | |
| 20 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2009480 | Ngô Nhựt Minh | 27/11/2002 | | Quản lý đất đai | |
| 21 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2009511 | Nguyễn Anh Tuấn | 16/11/2002 | | Quản lý đất đai | |
| 22 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2009514 | Nguyễn Thanh Vân | 29/08/2002 | N | Quản lý đất đai | |
| 23 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2009522 | Lê Tuấn Anh | 29/09/2001 | | Quản lý đất đai | |
| 24 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2009529 | Huỳnh Trầm Mộng Duy | 11/11/2002 | N | Quản lý đất đai | |
| 25 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2009538 | Nguyễn Trung Hiếu | 07/09/2002 | | Quản lý đất đai | |
| 26 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2009545 | Lê Duy Khang | 29/04/2002 | | Quản lý đất đai | |
| 27 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2101474 | Trần Lê Dân | 05/10/2003 | | Quản lý đất đai | |
| 28 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2101508 | Bùi Mai Trinh | 26/02/2003 | N | Quản lý đất đai | |
| 29 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2101550 | Danh Tính | 11/07/2003 | | Quản lý đất đai | |
| 30 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2101552 | Lê Tuyết Trân | 08/10/2003 | N | Quản lý đất đai | |
| 31 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2108463 | Nguyễn Thị Duy Phương | 15/11/2003 | N | Quản lý đất đai | |
| 32 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2108467 | Lê Thanh Quyền | 13/09/2003 | | Quản lý đất đai | |
| 33 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2108480 | Trần Phong Vũ | 20/10/2003 | | Quản lý đất đai | |
| 34 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B1912571 | Trần Vũ Cường | 08/11/1999 | | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 35 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B1912700 | Nguyễn Thị Minh Thảo | 24/09/2001 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 36 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2006792 | Phan Ngọc Khánh Vinh | 18/02/2002 | | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 37 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2006809 | Nguyễn Thị Cẩm Hài | 17/12/2002 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 38 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2006832 | Nguyễn Trung Nguyên | 04/10/2002 | | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 39 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2006866 | Dương Võ Thanh Trúc | 10/09/2002 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 40 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2016511 | Trịnh Kim Huyền | 02/02/2002 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 41 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2016512 | Nguyễn Thị Quỳnh Hương | 02/06/2002 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 42 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2016554 | Trần Tú Bình | 23/11/2002 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 43 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2016571 | Nguyễn Nhựt Khoa | 01/12/2002 | | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 44 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2016590 | Hồ Nhựt Tân | 03/02/2002 | | Quản lý tài nguyên và môi trường | |

| TT | Đơn vị | Số Quyết định | Ngày ký | MSSV | Họ tên | Ngày sinh | Nữ | Tên ngành | Tên chuyên ngành |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 45 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106234 | Nguyễn Thị Kiều Oanh | 08/06/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 46 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106237 | Nguyễn Thị Mỹ Phúc | 18/08/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 47 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106248 | Danh Lâm Ngọc Thiên | 30/03/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 48 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106263 | Đỗ Minh Trí | 30/08/2003 | | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 49 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106276 | Lê Minh Anh | 14/10/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 50 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106291 | Lương Mẫn Hân | 16/07/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 51 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106302 | Nguyễn Hoài Khương | 04/06/2003 | | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 52 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106314 | Nguyễn Hoàng Gia Mẫn | 22/10/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 53 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106317 | Nguyễn Thị Kim Ngân | 08/03/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 54 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106321 | Mai Châu Hồng Ngọc | 16/02/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 55 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106322 | Nguyễn Minh Ngọc | 13/04/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 56 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106327 | Nguyễn Thị Ngọc Nhanh | 06/05/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 57 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106329 | Châu Yến Nhi | 15/03/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 58 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106330 | Hồ Yến Nhi | 08/08/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 59 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106334 | Nguyễn Thị Ngọc Nhung | 21/01/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 60 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2106341 | Hồ Kim Phụng | 24/09/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 61 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2107199 | Khưu Khả Tú | 03/07/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 62 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2112980 | Trần Kiều Anh | 19/11/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 63 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2113007 | Châu Thị Thanh Trúc | 28/12/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 64 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2113010 | Phan Ngọc Thảo Uyên | 01/08/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 65 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2113014 | Nguyễn Lữ Vân Anh | 30/09/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 66 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2113015 | Trần Gia Bảo | 24/11/2003 | | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 67 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2113017 | Nguyễn Tiến Đạt | 16/05/2003 | | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 68 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2113019 | Bùi Lê Hải Đăng | 02/04/2003 | | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 69 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2113021 | Tô Thành Huy | 15/10/2003 | | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 70 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2113028 | Nguyễn Hoàng Nhân | 29/04/2003 | | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 71 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2113032 | Lý Kim Ngọc Quí | 03/10/2003 | N | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 72 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | B2113046 | Quách Vĩnh | 14/10/2003 | | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 73 | MT | 55/QĐ-ĐHCT | 07/01/2025 | C1900188 | Hà Trung Quốc Huy | 08/08/1998 | | Quản lý tài nguyên và môi trường | |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**